# CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

## Đặt vấn đề

Công nghệ thông tin (CNTT) vẫn là một trong những ngành phát triển nhanh nhất trên toàn cầu. Sự gia tăng liên tục của công nghệ thông tin đang thúc đẩy sự thay đổi trong hầu hết các khía cạnh của cuộc sống và công việc. Hiện nay, CNTT đang phát triển mạnh mẽ và trở thành một trong những ngành mũi nhọn của nền kinh tế thế giới. Tại Việt Nam, CNTT cũng đang có những bước phát triển vượt bậc, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 25%.

Nhu cầu nhân lực CNTT tại Việt Nam đang tăng cao, đặc biệt là các vị trí như lập trình viên, kỹ sư phần mềm, quản trị hệ thống, an ninh mạng, ... Theo báo cáo của TopDev, trong năm 2022, nhu cầu nhân lực CNTT là 450.000 người, tuy nhiên tổng số lập trình viên của Việt Nam là 430.000 người. Điều đó cho thấy 20,000 nhân lực không được lấp đầy. Trong khi đó, Theo Ths Cao Quảng Tư, Giám đốc Tuyển sinh Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn hiện Việt Nam có hơn 100 trường Đại học đào tạo CNTT và trung bình mỗi năm số lượng kỹ sư CNTT đầu ra là khoảng 50.000 người (với 2018 là 49.000 sinh viên, 2020 là 51.000 sinh viên, 2021 là 53.000 sinh viên và 2022 là 57.000 sinh viên. Như vậy, số lượng kỹ sư công nghệ thông tin đầu ra của mỗi năm tại Việt Nam đang có xu hướng tăng lên, với mức tăng trung bình khoảng 2%). Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến tình trạng này? Sự thiếu hụt này xuất phát từ sự chênh lệch giữa trình độ của lập trình viên và các yêu cầu của doanh nghiệp. Cụ thể, hiện nay chỉ có khoảng 16.500 sinh viên (gần 30%) trong tổng số 55.000 sinh viên chuyên ngành CNTT đáp ứng được những kỹ năng và yêu cầu của doanh nghiệp cần. Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ mới từng ngày cũng là một trong những thứ khiến cho đại đa số các sinh viên chưa kịp cập nhật kiến thức mới, những kiến thức mà các doanh nghiệp cần. Và một số những tác động khác như kiến thức tiếp thu chưa đủ, các kiến thức được học nhưng chưa được áp dụng nhiều, hay các tài liệu tham khảo quá nhiều dẫn đến tiếp thu thông tin bị sai lệch. Đó là một số những nguyên nhân dẫn đến các sinh viên CNTT không đáp ứng đủ yêu cầu của các nhà tuyển dụng hay doạnh nghiệp cần. Từ những thống kê trên đã cho thấy ngành CNTT là một trong những xu hướng “hot nhất” trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay.

1. Đặc tả yêu cầu bài toán

Admin có thể chọn tài khoản người dùng và chuyển sang chế độ kiểm duyệt và cũng có thể xóa chức năng kiểm duyệt của bất kỳ tài khoản nào nếu như tài khoản đó không còn phù hợp. Ngoài ra admin còn có thể xóa các bình luận vi phạm tiêu chuẩn cộng đồng và khóa tài khoản vĩnh viễn với bất kỳ tài khoản nào.

Người quản lý tạo các tên thẻ(tag) các công nghệ hiện nay sử dụng để có thể cho người dùng có thể viết các bài liên quan đến các thẻ tương ứng với mục đích chia sẻ các kiến thức về công nghệ đó. Ngoài ra người quản lý xem và xóa các phản hồi khi người dùng gửi đến, có thể ẩn các bình luận tiêu cực, vi phạm tiêu chuẩn cộng đồng. Khóa tài khoản người dùng tạm thời nếu vi phạm nhiều lần.

Người dùng có thể xem tất cả các danh sách thẻ(tag), danh sách bài viết, viết bài, bình luận, đánh giá, markdown, tìm kiếm bài viết, tác giả, theo dõi thẻ, theo dõi người dùng, xem thông báo. Quản lý thông tin cá nhân của bản than từ xem và chỉnh sửa.

1. Yêu cầu

Hệ thống phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

* Ứng dụng phải có dung lượng không quá lớn, tốc độ xử lý nhanh.
* Giao diện trực quan, thân thiện người dùng.
* Giao diện phải phù hợp với các trình duyệt web hiện nay cũng như hỗ trợ các kích thước của màn hình điện thoại.
* Công việc tính toán phải thực hiện chính xác, các vấn đề liên quan đến thời gian phải đảm bảo tính đúng đắn kịp thời.
* Sử dụng mã hóa các thông tin nhạy cảm của khách hàng.
* Đảm bảo an toàn dữ liệu khi chạy website trực tuyến

1. Khảo sát thị trường

4.1 Mục tiêu

* Lấy được thông tin để nâng cao hiệu suất của phần mềm, sàng lọc các ngôn ngữ mà mọi người đang muốn hướng đến ở thời điểm hiện tại.
* Tiếp cận gần nhất đến người dùng.
* Để có thể xác nhận, tìm hiểu của nhu cầu người dùng.
* Tối ưu hóa thời gian và độ chính xác của phần mềm khi được sử dụng.

4.2 Khảo sát thị trường

* Hình thức khảo sát: tạo một cuộc thăm dò ý kiến trong các group lập trình với số lượng thành viên lớn.
* Khảo sát về đối tượng: là những người theo ngành CNTT.

A screenshot of a black screen

Description automatically generated

* Khảo sát về ngôn ngữ lập trình của các bạn học CNTT khi bắt đầu dành cho newbie

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Khảo sát về công nghệ mà các bạn đang theo ngành CNTT đang tiếp xúc

A screenshot of a computer

Description automatically generated

# CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1. Cấu hình và cài đặt

A diagram of a web application

Description automatically generated

* Người dùng: là người sử dụng trang web bao gồm cả lập trình viên mới học, các lập trình viên kinh nghiệm, người học các loại ngôn ngữ lập trình khác nhau và kể cả những người có ý định theo đuổi nghề lập trình viên.
* Trình duyệt web: người dùng có thể truy cập trang web thông qua các trình duyệt web như: Chrome, FireFox hay Edge…
* Máy chủ web (web server): được deloy lên Vercel/ Heroku.
* Cơ sở dữ liệu: PostgreSQL.
* Front-end: ReactJS.
* Back-end: NodeJs + ExpressJS Framework
* Xác thực và phân quyền: JWT.
* Công cụ phát triển: VS Code.

1. RESTFUL API
2. NODEJS
3. JWT
4. POSTGRESQL
5. VSCODE

# CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ MÔ HÌNH HOÁ YÊU CẦU ỨNG DỤNG

1. Mô hình nghiệp vụ hệ thống
   1. Mô hình cơ cấu hệ thống

A diagram of a diagram

Description automatically generated

* 1. Yêu cầu phân quyền hệ thống

Cung cấp phân quyền cho các loại người dùng có trách nhiệm: admin, kiểm duyệt, người dùng vãng lai, người dùng có tài khoản.

* 1. Chức năng của từng tác nhân (user) trong hệ thống
* Người dùng vãng lai: tạo tài khoản, xem bài viết theo thẻ, theo người dùng đăng, theo bài viết nổi bật, theo bài viết mới nhất.
* Người dùng có tài khoản: quản lý bài viết (thêm, xóa, sửa), quản lý bình luận của mình (thêm, xóa, sửa), theo dõi thẻ (tag), theo dõi người dùng, quản lý vote (thêm, xóa), quản lý bookmark (thêm, xóa), quản lý hình ảnh (thêm, xóa, sửa), xem danh sách bài viết (công khai/ riêng tư), bài viết ẩn link, xem thông báo, thay đổi thông tin cá nhân, đổi mật khẩu, đăng nhập, đăng xuất.
* Kiểm duyệt: duyệt bài viết, quản lý thẻ (thêm, xóa, sửa tag), ẩn bình luận, quản lý phản hồi (xem, đánh dấu, xóa), khóa tài khoản tạm thời.
* Admin: xóa bình luận, quản lý tài khoản kiểm duyệt (chuyển tài khoản thành tài khoản kiểm duyệt, xóa chức vụ kiểm duyệt), khóa tài khoản vĩnh viễn.
  1. Quy trình nghiệp vụ
     1. Nghiệp vụ viết bài viết hay sửa, xóa.
* Bước 1: Người dùng yêu cầu thêm bài, xóa bài hoặc sửa bài viết.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra người dùng đã đăng nhập hay chưa. Nếu người dùng chưa đăng nhập thì hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập. Người dùng chưa có tài khoản thì yêu cầu tạo tài khoản. Chỉ khi đăng nhập thành công thì quay lại bước 1. Còn nếu người dùng đã đăng nhập thì chuyển đến bước 3.
* Bước 3: Chọn thẻ (tag) phù hợp với bài viết.
* Bước 4: Hoàn thành bài viết và yêu cầu duyệt bài nếu thêm bài viết. Xác nhận nếu xóa, sửa bài viết.
  + 1. Nghiệp vụ duyệt bài viết
* Bước 1: Đăng nhập thành công vào hệ thống.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra xem tài khoản hiện tại có thuộc quyền hạn duyệt bài viết hay không. Nếu có thì chọn đến các bài đang đợi duyệt
* Bước 3: Đọc bài cần duyệt và xác nhận lựa chọn.
  + 1. Nghiệp vụ thay đổi chuyển tài khoản thành kiểm duyệt
* Bước 1: Admin đăng nhập thành công vào hệ thống.
* Bước 2: Chọn tài khoản muốn chuyển lên kiểm duyệt.
* Bước 3: Chuyển tài khoản.
  + 1. Quản lý đánh dấu bài viết
* Bước 1: Người dùng yêu cầu đánh dấu bài viết.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra người dùng đã đăng nhập hay chưa. Nếu người dùng chưa đăng nhập thì hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập. Người dùng chưa có tài khoản thì yêu cầu tạo tài khoản. Chỉ khi đăng nhập thành công thì quay lại bước 1. Còn nếu người dùng đã đăng nhập thì chuyển đến bước 3.
* Bước 3: Chọn bài viết muốn đánh dấu hay hủy đánh dấu.
  + 1. Quản lý vote bài viết
* Bước 1: Người dùng yêu cầu vote bài viết.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra người dùng đã đăng nhập hay chưa. Nếu người dùng chưa đăng nhập thì hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập. Người dùng chưa có tài khoản thì yêu cầu tạo tài khoản. Chỉ khi đăng nhập thành công thì quay lại bước 1. Còn nếu người dùng đã đăng nhập thì chuyển đến bước 3.
* Bước 3: Chọn bài viết muốn vote hay hủy vote.
  + 1. Quản lý hình ảnh
* Bước 1: Người dùng yêu cầu hình ảnh.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra người dùng đã đăng nhập hay chưa. Nếu người dùng chưa đăng nhập thì hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập. Người dùng chưa có tài khoản thì yêu cầu tạo tài khoản. Chỉ khi đăng nhập thành công thì quay lại bước 1. Còn nếu người dùng đã đăng nhập thì chuyển đến bước 3.
* Bước 3: Chọn hình ảnh muốn thêm, xóa, sửa.
* Bước 4: Update hình ảnh.
  + 1. Quản lý bình luận
* Bước 1: Người dùng yêu cầu thêm bài, xóa bài hoặc sửa bình luận.
* Bước 2: Hệ thống kiểm tra người dùng đã đăng nhập hay chưa. Nếu người dùng chưa đăng nhập thì hệ thống yêu cầu người dùng đăng nhập. Người dùng chưa có tài khoản thì yêu cầu tạo tài khoản. Chỉ khi đăng nhập thành công thì quay lại bước 1. Còn nếu người dùng đã đăng nhập thì chuyển đến bước 3.
* Bước 3: Hoàn thành thao tác và update nó.
  + 1. Thống kê
* Thống kê những bài viết nổi bật, bài viết mới.
* Thống kê những người đóng góp nhiều bài viết nhất.

1. Tổng quan về các yêu cầu đối với hệ thống

Phần mềm gồm các chức năng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Tìm kiếm | Thực hiện chức năng tìm kiếm: tìm kiếm theo tên thẻ, tên bài viết, tên người dùng. |
| 2 | Quản lý bài viết | Cho phép người dùng quản lý bài viết của mình |
| 3 | Quản lý vote | Cho phép người dùng quản lý vote của mình. |
| 4 | Quản lý đánh dấu | Cho phép người dùng quản lý các bài viết mà mình đã đánh dấu. |
| 5 | Quản lý bình luận | Cho phép người dùng quản lý các bình luận của mình |
| 6 | Quản lý thông tin cá nhân | Quản lý thông tin cá nhân của bản thân |
| 7 | Quản lý thẻ | Cho phép người kiểm duyệt quản lý thông tin của các thẻ |
| 8 | Quản lý phản hồi | Quản lý về phản hồi. |
| 9 | Quản lý hình ảnh | Cho phép người dùng quản lý ảnh của mình |
| 10 | Kiểm duyệt bài viết | Người kiểm duyệt duyệt các bài viết đúng tiêu chuẩn |
| 11 | Khóa tài khoản | Khóa tài khoản tạm thời hoặc vĩnh viễn tùy vào quyền của kiểm duyệt hay admin |
| 12 | Chuyển tài khoản thành tài khoản kiểm duyệt và xóa chức vụ kiểm duyệt | Admin thêm một tài khoản bình thường thành tài khoản kiểm duyệt và ngược lại |

1. Phân loại các yêu cầu ứng dụng

3.1 Danh sách các yêu cầu nghiệp vụ

3.1.1 Đối với người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Nghiệp vụ** |
| 1 | Quản lý truy cập (đăng nhập, đăng ký, đăng xuất, quên mật khẩu, đổi mật khẩu) |
| 2 | Quản lý bài viết |
| 3 | Quản lý vote |
| 4 | Quản lý đánh dấu |
| 5 | Quản lý bình luận |
| 6 | Quản lý thông tin cá nhân |
| 7 | Tìm kiếm |
| 8 | Thêm phản hồi |
| 9 | Quản lý hình ảnh |

3.1.2 Đối với người kiểm duyệt

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Nghiệp vụ** |
| 1 | Quản lý truy cập (đăng nhập, đăng ký, đăng xuất, quên mật khẩu, đổi mật khẩu) |
| 2 | Quản lý bài viết |
| 3 | Duyệt bài viết |
| 4 | Quản lý thẻ |
| 5 | Khóa tài khoản tạm thời |
| 6 | Quản lý phản hồi |
| 7 | Ẩn bình luận |

3.1.3 Đối với admin

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Nghiệp vụ** |
| 1 | Quản lý truy cập (đăng nhập, đăng ký, đăng xuất, quên mật khẩu, đổi mật khẩu) |
| 2 | Khóa tài khoản vĩnh viễn |
| 3 | Xóa bình luận |
| 4 | Thay đổi quyền kiểm duyệt |

1. Sơ đồ use-case tổng quát

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-Case | STT | Tên Use-Case |
| 1 | Tạo tài khoản | 16 | Xem danh sách bài viết |
| 2 | Đăng nhập | 17 | Thêm bài viết |
| 3 | Lấy mật khẩu | 18 | Sửa bài viết |
| 4 | Đổi mật khẩu | 19 | Xóa bài viết |
| 5 | Thay đổi thông tin cá nhân | 20 | Thêm bình luận |
| 6 | Danh sách bài viết theo thẻ | 21 | Sửa bình luận |
| 7 | Danh sách bài viết mới nhất | 22 | Xóa bình luận |
| 8 | Danh sách bài viết nổi bật | 23 | Chuyển tài khoản thành kiểm duyệt |
| 9 | Tìm kiếm bài viết | 24 | Khóa tài khoản tạm thời |
| 10 | Theo dõi thẻ | 25 | Khóa tài khoản vĩnh viễn |
| 11 | Theo dõi người dùng | 26 | Thêm thẻ |
| 12 | Bookmark bài viết | 27 | Sửa thẻ |
| 13 | Vote bài viết | 28 | Duyệt bài viết |
| 14 | Xem thông báo | 29 | Xóa phản hồi |
| 15 | Phản hồi với quản trị viên | 30 | Ẩn bình luận |

* Tạo tài khoản

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Tạo tài khoản |
| Actor | Khách |
| Mô tả | Cho phép actor tạo tài khỏan |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor chọn chức năng login và chọn đăng ký |
| Tiền điều kiện | khách phải chưa đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Khách được quyền sử dụng tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn chức năng đăng ký tài khoản 2. Hệ thống hiển thị form yêu cầu nhập thông tin account. Bao gồm: Tài khoản; Tên hiển thị, Gmail, Mật khẩu; 3. Hệ thống sẽ tự động tạo tài khoản trên database dựa trên thông tin vừa nhập 4. Kết thúc use-case |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Đăng nhập

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Đăng nhập |
| Actor | Người dùng, kiểm duyệt, admin |
| Mô tả | Các bước actor đăng nhập vào hệ thống |
| Điều kiện kích hoạt | Actor chọn chức năng đăng nhập từ trang chủ |
| Tiên điều kiện | Actor phải có tài khoản trên hệ thống |
| Hậu điều kiện | Actor đăng nhập thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống yêu cầu actor cung cấp thông tin đăng nhập gồm email và mật khẩu 2. Actor nhập thông tin và nhấn nút đăng nhập 3. Hệ thống kiểm tra, xác minh thông tin đăng nhập và thông báo đăng nhập thành công/thất bại cho actor 4. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Đăng nhập thành công   1. Hệ thống phân quyền tùy theo chức vụ của actor 2. Di chuyển đến trang chủ   TH2: Đăng nhập thất bại   1. Hiển thị thông báo sai thông tin đăng nhập, gợi ý actor đăng ký tài khoản nếu chưa có 2. Actor đăng nhập lại hoặc chọn đăng ký tài khoản mới |

* Lấy mật khẩu

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Lấy mật khẩu |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor lấy mật khẩu. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor chọn quên mật khẩu trong phần đăng nhập. |
| Tiền điều kiện | Actor chưa đăng nhập vào website do quên mật khẩu. |
| Hậu điều kiện | Actor lấy được mật khẩu mặc định là ‘123456’ và có thể đăng nhập vào tài khoản. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn chức năng quên mật khẩu ở phần đăng nhập. 2. Hệ thống hiển thị Form yêu cầu nhập tên đăng nhập. 3. Actor nhập tên đăng nhập => chọn lấy mã xác nhận. 4. Hệ thông hiện Form yêu cầu nhập mã xác nhận đã gửi về email đăng ký. 5. Actor nhập mã xác nhận. 6. Hệ thông kiểm tra mã xác nhận rồi thông báo lấy mật khẩu thành công hay thất bại. 7. Kết thúc use-case. |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Lấy lại mật khẩu thành công.   * Di chuyển đến trang cá nhân. * Đổi mật khẩu về mặc định ‘123456’   TH2: Lấy lại mật khẩu thất bại   * Thông báo sai mã xác nhận. * Actor thực hiện lấy lại mật khẩu lần nữa. |

* Đổi mật khẩu

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Đổi mật khẩu |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor đổi mật khẩu. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor chọn đổi mật khẩu trong phần thông tin cá nhân. |
| Tiền điều kiện | Actor đang đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình. |
| Hậu điều kiện | Actor đổi được mật khẩu đăng nhập của bản thân. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn chức năng xem thông tin cá nhân và chọn đổi mật khẩu. 2. Hệ thống hiển thị Form đổi mật khẩu, yêu cầu nhập các thông tin:Mật khẩu cũ và Mật khẩu mới. 3. Hệ thống sẽ tự động thay đổi mật khẩu trên database theo mật khẩu mới vừa nhập. 4. Kết thúc use-case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Thay đổi thông tin cá nhân

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thay đổi thông tin cá nhân |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin |
| Mô tả | Cho phép actor có thể thay đổi các thông tin cá nhân (tên, ảnh đại diện, …) |
| Điều kiện kích hoạt | Actor chọn chức năng chỉnh sửa trang cá nhân |
| Tiên điều kiện | Actor phải đăng nhập thành công |
| Hậu điều kiện | Actor vào xem trang thông tin cá nhân |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng xem trang cá nhân 3. Hệ thống hiển thị các thông tin của cá nhân người dùng 4. Người dùng chỉnh sửa các thông tin muốn thay đổi 5. Người dùng nhấn đồng ý thay đổi 6. Hệ thống hiển thị lại thông tin sau khi thay đổi thành công 7. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ | TH: Các thông tin chỉnh sửa không hợp lệ   1. Hệ thống thông báo lỗi thông tin nhập mới không hợp lệ, yêu cầu người dùng phải nhập lại |

* Danh sách bài viết theo thẻ

A diagram of a blue rectangular object with white text

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách bài viết theo thẻ |
| Actor | Khách, Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor xem danh sách bài viết theo thẻ. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor chọn 1 thẻ |
| Tiền điều kiện | không |
| Hậu điều kiện | Actor xem được danh sách bài viết theo có gắn thẻ vừa chọn. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn 1 loại thẻ. 2. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết theo thẻ. 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Danh sách bài viết mới nhất

Diagram, timeline

Description automatically generated with medium confidenceS

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xem bài viết mới nhất |
| Actor | Khách, Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép người dùng xem những bài viết mới nhất. |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng cần cập nhật thông tin mới nhất. |
| Tiền điều kiện | Actor phải vào trang chủ |
| Hậu điều kiện | Actor xem danh sách bài viết mới nhất thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor vào phần bài viết. 2. Hệ thống tìm kiếm danh sách bài viết mới nhất. 3. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Danh sách bài viết theo xu hướng

Timeline

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách bài viết theo xu hướng |
| Actor | Khách, Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor xem những bài viết được nhiều vote nhất. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor cần xem những vấn đề nổi bật. |
| Tiền điều kiện | Actor phải vô phần bài viết |
| Hậu điều kiện | Actor xem danh sách bài viết theo xu hướng thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor vào phần bài viết. 2. Hệ thống tìm kiếm danh sách bài viết có vote cao nhất. 3. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

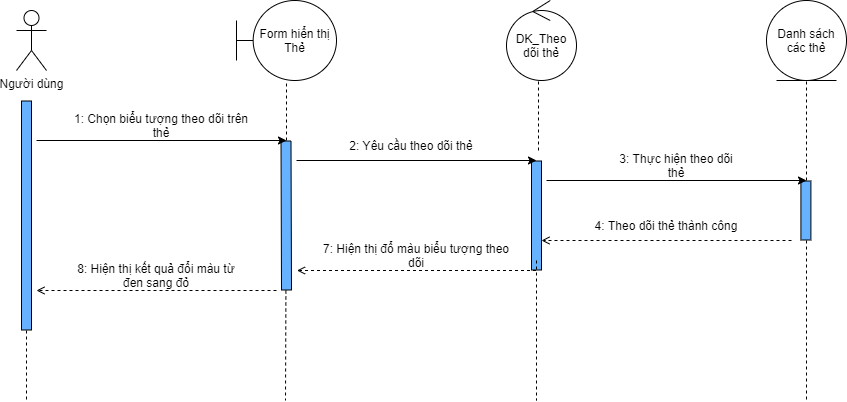
* Tìm kiếm bài viết

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Tìm kiếm bài viết |
| Actor | Khách, người dùng, kiểm duyệt, admin. |
| Mô tả | Cho phép actor tìm kiếm bài viết theo từ khóa. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đã đăng nhập và cần tìm nội dung nào đó. |
| Tiền điều kiện | Actor phải nhập nội dung và nhấn vào tìm kiếm. |
| Hậu điều kiện | Actor tìm kiếm thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn biểu tượng tìm kiếm. 2. Hệ thống tìm kiếm bài viết theo từ khóa. 3. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết theo từ khóa. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Theo dõi thẻ



|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Theo Dõi Thẻ |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor theo dõi các bài viết gắn với thẻ theo dõi. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor bấm theo dõi trên thẻ. |
| Tiền điều kiện | Actor đang đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình. |
| Hậu điều kiện | Actor thấy được các bài viết liên quan đến thẻ đó. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn 1 thẻ quan tâm 2. Chọn vào biểu tượng theo dõi trên thẻ 3. Hệ thống chuyển biểu tượng đen sang đỏ 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | Hệ thống tìm kiếm đưa cập nhật thẻ vào nhãn dán và đưa ra bài viết liên quan đến thẻ đó. |

* Theo dõi người dùng

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Theo dõi người dùng |
| Actor | Người dùng |
| Mô tả | Cho phép theo dõi tài khoản của một người dùng khác. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor muốn theo dõi một người dùng khác. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Actor theo dõi người dùng khác thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn vào trang danh sách các tác giả (người dùng khác). 3. Hệ thống hiện thị danh sách các tác giả (người dùng khác) và các tác vụ theo dõi người dùng. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Đăng nhập thành công:  Nếu đăng nhập thành công hệ thống dựa trên thông tin đăng để cho phép bạn có thể theo dõi người dùng.  TH2: Đăng nhập thất bại:  Hệ thống hiện thống báo cho người dùng và yêu cầu đăng nhập lại.  Người dùng có thể đăng nhập lại hoặc thoát ra đăng kí. |

* Bookmark bài viết

Diagram

Description automatically generated with low confidence

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thêm bookmark |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor thêm bookmark vào bài viết yêu thích |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đã đăng nhập và chưa thêm bookmark ở bài viết đó |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập tài khoản |
| Hậu điều kiện | Actor thêm bookmark vào bài viết đó thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn biểu tượng bookmark trên bài viết. 2. Hệ thống lưu bookmark bài viết vào tài khoản. 3. Hệ thống hiển thị trạng thái bookmark của bài viết. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Vote bài viết

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thêm vote |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor thêm vote khi đồng tình hoặc phản đối. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đã đăng nhập và cần vote bài viết |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập tài khoản và chưa vote. |
| Hậu điều kiện | Actor vote bài viết thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn biểu tượng vote trên bài viết. 2. Hệ thống lưu vote vào bài viết và tài khoản. 3. Hệ thống hiển thị trạng thái vote của bài viết. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Xem thông báo

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xem thông báo |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor xem thông báo trong tài khoản |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đã đăng nhập |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập tài khoản |
| Hậu điều kiện | Actor xem thông báo thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn biểu tượng thông báo. 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông báo của tài khoản. 3. Actor chọn thông báo cần xem. 4. Hệ thống đánh dấu đã đọc của thông báo. 5. Hệ thống hiển thị thông báo cần xem của tài khoản. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Phản hồi với quản trị viên

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thêm phản hồi |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt. |
| Mô tả | Cho phép actor gửi phản hồi cho admin. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đã đăng nhập và muốn gửi phản hồi để cải thiện hệ thống |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập tài khoản |
| Hậu điều kiện | Actor gửi phản hồi cho admin. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn biểu tượng phản hồi. 2. Hệ thống lưu và gửi phải hồi cho quản lý. 3. Hệ thống hiển thị trạng thái gửi phản hồi. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Xem danh sách bài viết của bạn than

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xem danh sách bài viết riêng tư |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor xem danh sách bài viết của bản thân |
| Điều kiện kích hoạt | Actor đã đăng nhập |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện |  |
| Luồng sự kiện chính | 1. Nhấn chọn menu xem danh sách bài viết riêng tư/công khai/truy cập qua link 2. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết. 3. Kết thúc use-case. |
| Luồng sự kiện phụ | Actor có thể xem danh sách theo trang |

* Thêm bài viết

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thêm bài viết |
| Actor | Người dùng, kiểm duyệt, admin |
| Mô tả | Cho phép actor có thể thêm mới bài viết |
| Điều kiện kích hoạt | Actor nhấn vào chức năng thêm bài viết trên trang chủ |
| Tiên điều kiện | Actor phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Tài khoản của actor không bị khóa |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng thêm bài viết 3. Hệ thống hiển thị các yêu cầu của 1 bài viết (tiêu đề, nội dung, danh sách thẻ, …) 4. Người dùng điền đầy đủ các thông tin bài viết sau đó nhấn nút Thêm bài viết 5. Hệ thống sẽ xác nhận thêm mới bài viết thành công, bài viết sẽ được công bố sau khi được kiểm duyệt 6. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Actor không muốn công khai bài viết   1. Bài viết sẽ được lưu vào danh sách bài viết nháp của bản thân   TH2: Actor là kiểm duyệt hoặc admin   1. Bài viết sẽ được công bố mà không cần phải kiểm duyệt lại |

* Sửa bài viết

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Sửa bài viết |
| Actor | Người dùng, kiểm duyệt, admin |
| Mô tả | Cho phép actor có thể sửa bài viết của bản thân |
| Điều kiện kích hoạt | Actor nhấn vào chức năng sửa bài viết trên trang bài viết |
| Tiên điều kiện | Actor phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Actor là tác giả của bài viết 2. Tài khoản của actor không bị khóa |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng quản lý danh sách bài viết 3. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết của actor 4. Actor chọn bài viết muốn sửa và chọn để sửa 5. Actor chỉnh sửa các thông tin yêu cầu của 1 bài viết và nhấn nút xác nhận sửa bài viết 6. Hệ thống cập nhật lại thông tin bài viết mới 7. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ | Actor không muốn công khai bài viết   1. Bài viết sẽ được lưu vào danh sách bài viết riêng tư của actor |

* Xóa bài viết

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xóa bài viết |
| Actor | Người dùng, kiểm duyệt, admin |
| Mô tả | Cho phép actor có thể xóa bài viết của bản thân |
| Điều kiện kích hoạt | Actor nhấn vào chức năng xóa bài viết trên trang bài viết |
| Tiên điều kiện | Actor phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Actor là tác giả của bài viết 2. Tài khoản của actor không bị khóa |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng quản lý danh sách bài viết riêng tư 3. Hệ thống hiển thị danh sách bài viết của actor 4. Actor chọn bài viết muốn xóa và nhấn nút Xóa 5. Hệ thống xóa bài viết và thông báo xóa bài viết thành công 6. Hệ thống cập nhật lại danh sách bài viết 7. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Thêm bình luận

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Thêm bình luận |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor thêm bình luận |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor chọn vào biểu tượng bài viết để bình luận. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập tài khoản |
| Hậu điều kiện | Actor không bị khóa tài khoản |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn biểu tượng bình luận trên bài viết. 2. Hệ thống hiển thị phần bình luận bài viết. 3. Actor nhập bình luận bài viết hoặc trả lời 1 bình luận có sẵn 4. Actor bấm nút bình luận 5. Hệ thống tải lên bình luận và hiển thị danh sách bình luận 6. Kết thúc usecase. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Sửa bình luận

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Sửa bình luận |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor sửa nội dung bình luận của mình |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor bấm chỉnh sửa bình luận |
| Tiền điều kiện | Actor đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | 1. Actor là tác giả của bình luận đó  2. Actor không bị khóa tài khoản |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn nút sửa bình luận bên cạnh nội dung bình luận của bản thân 2. Hệ thống hiển thị hộp thoại chỉnh sửa nội dung bình luận trước đó 3. Actor sửa nội dung và nhấn nút xác nhận sửa 4. Hệ thống cập nhật lại danh sách bình luận thuộc bài viết đó. 5. Kết thúc usecase. |
| Luồng sự kiện phụ | Khi hiển thị hộp thoại chỉnh sửa mà actor không muốn chỉnh sửa nữa thì nhấn nút hủy, hộp thoại sẽ tự động đóng lại. Nội dung bình luận vẫn giữ nguyên. |

* Xóa bình luận

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xóa bình luận |
| Actor | Người dùng, Kiểm duyệt, Admin. |
| Mô tả | Cho phép actor xóa bình luận đã đăng. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor là tác giả của bình luận đó, hoặc actor là admin |
| Tiền điều kiện | Actor đăng nhập hệ thống |
| Hậu điều kiện | Actor là người viết bình luận hoặc là người kiểm duyệt hoặc Admin |
| Luồng sự kiện chính | 1. Chọn nút xóa bình luận bên cạnh nội dụng bình luận. 2. Hệ thống thực hiện xóa bình luận 3. Hệ thống hiển thị lại danh sách bình luận của bài viết đó. |
| Luồng sự kiện phụ | Khi xóa bình luận thì những bình luận con – bình luận trả lời bình luận bị xóa cũng sẽ bị hệ thống xóa. |

* Chuyển tài khoản thành tài khoản kiểm duyệt

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Chuyển tài khoản thành người kiểm duyệt |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Chuyển một tài khoản thành chức vụ người kiểm duyệt để hỗ trợ admin duyệt bài viết. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor muốn tạo 1 người kiểm duyệt để cho quá trình duyệt bài được nhanh chóng hơn. |
| Tiền điều kiện | Actor đã đăng nhập và có quyền admin. |
| Hậu điều kiện | Actor thêm tài khoản người kiểm duyệt thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn vào trang danh sách các tài khoản chức vụ. 2. Hệ thống hiện thị danh sách tài khoản. 3. Actor chọn chuyển tài khoản thành người kiểm duyệt. 4. Hệ thống hiện thị giao diện nhập thông tin. 5. Chọn chuyển. 6. Hệ thống trả về kết quả |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Chuyển thành công:  Nếu chuyển thành công, hệ thống sẽ báo lại cho người dùng, và hiển thị danh sách tài khoản.  TH2: Đăng ký thất bại:  Nếu chuyển thất bại, hệ thống sẽ báo lại cho người dùng, và yêu cầu nhập lại thông tin |

* Khóa tài khoản tạm thời

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Khóa tài khoản tạm thời. |
| Actor | Người kiểm duyệt, Admin |
| Mô tả | Cho phép Người kiểm duyệt, Admin khóa bất cứ tài khoản nào. |
| Điều kiện kích hoạt | Tài khoản bị khóa là tài khoản vi phạm điều khoản trong danh sách các điều khoản mà hệ thống qui định. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập dưới quyển Người kiểm duyệt, Admin, |
| Hậu điều kiện | Actor khóa tài khoản thành công, |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn vào trang quản lý danh sách các tài khoản người dùng. 3. Hệ thống hiện thị danh sách các tài khoản và các tác vụ khóa tài khoản. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Đăng nhập thành công:  Nếu đăng nhập thành công hệ thống dựa trên thông tin đăng để cho phép bạn có thể khóa tài khoản không.  TH2: Đăng nhập thất bại:  Hệ thống hiện thống báo cho người dùng và yêu cầu đăng nhập lại.  Người dùng có thể đăng nhập lại hoặc thoát. |

* Khóa tài khoản vĩnh viễn

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Khóa tài khoản vĩnh viễn |
| Actor | Admin |
| Mô tả | Cho phép Admin khóa vĩnh viễn bất cứ tài khoản nào. |
| Điều kiện kích hoạt | Tài khoản bị khóa là tài khoản vi phạm điều khoản cao nhất trong danh sách các điều khoản mà hệ thống qui định. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập dưới quyển Admin. |
| Hậu điều kiện | Actor khóa tài khoản vĩnh viễn thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn vào trang quản lý danh sách các tài khoản người dùng. 3. Hệ thống hiện thị danh sách các tài khoản và các tác vụ khóa tài khoản vĩnh viễn. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Đăng nhập thành công:  Nếu đăng nhập thành công hệ thống dựa trên thông tin đăng để cho phép bạn có thể khóa tài khoản vĩnh viễn không.  TH2: Đăng nhập thất bại:  Hệ thống hiện thống báo cho người dùng và yêu cầu đăng nhập lại.  Người dùng có thể đăng nhập lại hoặc thoát. |

* Thêm thẻ

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xóa bình luận |
| Actor | Admin, người kiểm duyệt |
| Mô tả | Cho phép Admin, người kiểm duyệt thêm thẻ. |
| Điều kiện kích hoạt | Actor cần thêm thẻ mới chưa có trong hệ thống. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập dưới quyển Admin, người kiểm duyệt. |
| Hậu điều kiện | Actor thêm thẻ thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn vào trang danh sách thẻ. 2. Hệ thống hiện thị danh sách thẻ. 3. Actor chọn thêm thẻ. 4. Hệ thống hiện thị giao diện nhập thông tin thẻ. 5. Chọn xác nhận. 6. Hệ thống trả về kết quả thêm thẻ. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Sửa thẻ

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Sửa thẻ |
| Actor | Kiểm duyệt, admin |
| Mô tả | Cho phép actor có thể sửa thông tin của thẻ |
| Điều kiện kích hoạt | Actor nhấn vào chức năng sửa thẻ trên trang danh sách thẻ |
| Tiên điều kiện | Actor phải đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện | Actor phải là kiểm duyệt hoặc admin |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng quản lý danh sách thẻ 3. Hệ thống hiển thị danh sách thẻ 4. Actor chọn thẻ muốn sửa 5. Hệ thống hiển thị các thông tin của thẻ (tên, hình ảnh) 6. Actor chỉnh sửa lại thông tin thẻ và nhấn nút Sửa 7. Hệ thống lưu lại thông tin thẻ và hiển thị lại danh sách các thẻ 8. Kết thúc use case |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Chỉnh sửa thẻ thất bại   1. Hệ thống thông báo thông tin mới của thẻ không hợp lệ, yêu cầu actor nhập lại |

* Duyệt bài viết

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Duyệt bài viết. |
| Actor | Admin, người kiểm duyệt. |
| Mô tả | Duyệt các bài viết của người dùng đăng lên, bài viết nào được chấp thuận thì có thể đăng ở trạng thái public, nếu không sẽ không được thấy ở trạng thái public. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đăng nhập vào hệ thống và có chức vụ người kiểm duyệt hoặc admin. |
| Tiền điều kiện | Actor duyệt bài viết thành công. |
| Hậu điều kiện | Actor duyệt bài viết. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn vào trang danh sách bài viết chưa được kiểm duyệt. 2. Hệ thống hiện thị danh sách bài viết chưa được kiểm duyệt. 3. Actor chọn bài viết chưa được kiểm duyệt. 4. Hệ thống hiện thị bài viết. 5. Actor chọn duyệt hoặc không duyệt. 6. Hệ thống trả về kết quả duyệt. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* Xóa phản hồi

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Xóa phản hồi. |
| Actor | Admin, Người kiểm duyệt |
| Mô tả | Cho phép Admin, Người kiểm duyệt xóa phản hồi không phù hợp. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi Admin, Người kiểm duyệt nhấn vào phím chức năng xóa phản hồi. |
| Tiền điều kiện | Actor phải đăng nhập dưới quyển Admin, Người kiểm duyệt |
| Hậu điều kiện | Actor xóa phản hồi không phù hợp. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Đăng nhập vào hệ thống. 2. Chọn vào trang quản lý phản hồi và nhấn vào phím chức năng xóa phản hồi. 3. Hệ thống sẽ xóa phản hồi không phù hợp 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | TH1: Đăng nhập thành công:  Nếu đăng  nhập thành công hệ thống dựa trên thông tin đăng để cho phép bạn có thể thay xóa phản hồi hay không.  TH2: Đăng nhập thất bại:  Hệ thống hiện thống báo cho người dùng và yêu cầu đăng nhập lại.  Người dùng có thể đăng nhập lại hoặc thoát. |

* Ẩn bình luận

A diagram of a diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Use-Case | Nội dung |
| Tên Use-Case | Ẩn bình luận |
| Actor | Admin, người kiểm duyệt |
| Mô tả | Amin hoặc người kiểm duyệt có thể ẩn bình luận không phù hợp với tiêu chuẩn được đề ra. |
| Điều kiện kích hoạt | Khi actor đăng nhập vào hệ thống và có chức vụ người kiểm duyệt hoặc admin. |
| Tiền điều kiện | Khi actor đăng nhập vào hệ thống và có chức vụ người kiểm duyệt hoặc admin. |
| Hậu điều kiện | Actor ẩn bình luận thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Actor chọn vào một bài viết. 2. Hệ thống hiện thị bài viết. 3. Actor chọn xem bình luận. 4. Hệ thống hiện thị các bình luận của bài viết. 5. Actor chọn vào bình luận muốn ẩn. 6. Hệ thống trả về tùy chọn. 7. Actor chọn ẩn bình luận. 8. Hệ thống trả về thông báo ẩn bình luận. |
| Luồng sự kiện phụ |  |